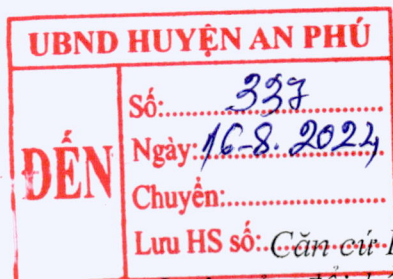


Số: 12/NQ-HĐND

An Phú, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

phê chuẩn Kế hoạch kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn vốn năm 2022), năm 2023 chưa giải ngân hết sang thực hiện, giải ngân năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện An Phú



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội Về giám sát chuyên đề "Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030";

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Phê chuẩn Kế hoạch phân khai chi tiết danh mục và vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn kế hoạch phân khai chi tiết danh mục và vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Nhất trí thông qua nội dung Kế hoạch kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn vốn năm 2022), năm 2023 chưa giải ngân hết sang thực hiện, giải ngân năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện An Phú như sau:

**Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn vốn năm 2022), năm 2023 chưa giải ngân hết sang thực hiện, giải ngân năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện An Phú**

1. Tổng kế hoạch vốn kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn vốn năm 2022), năm 2023 chưa giải ngân hết sang thực hiện, giải ngân năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là **3.309** triệu đồng (thấp hơn 01 triệu đồng so với số quyết toán vốn cuối năm 2023 là 3.310 triệu đồng do làm tròn số học).

(Đính kèm biểu kế hoạch chi tiết).

2. Thời gian thực hiện, thanh toán kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nguồn vốn năm 2022), năm 2023 chưa giải

ngân hết sang thực hiện, giải ngân năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến ngày 31/12/2024.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện An Phú Khoá VII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

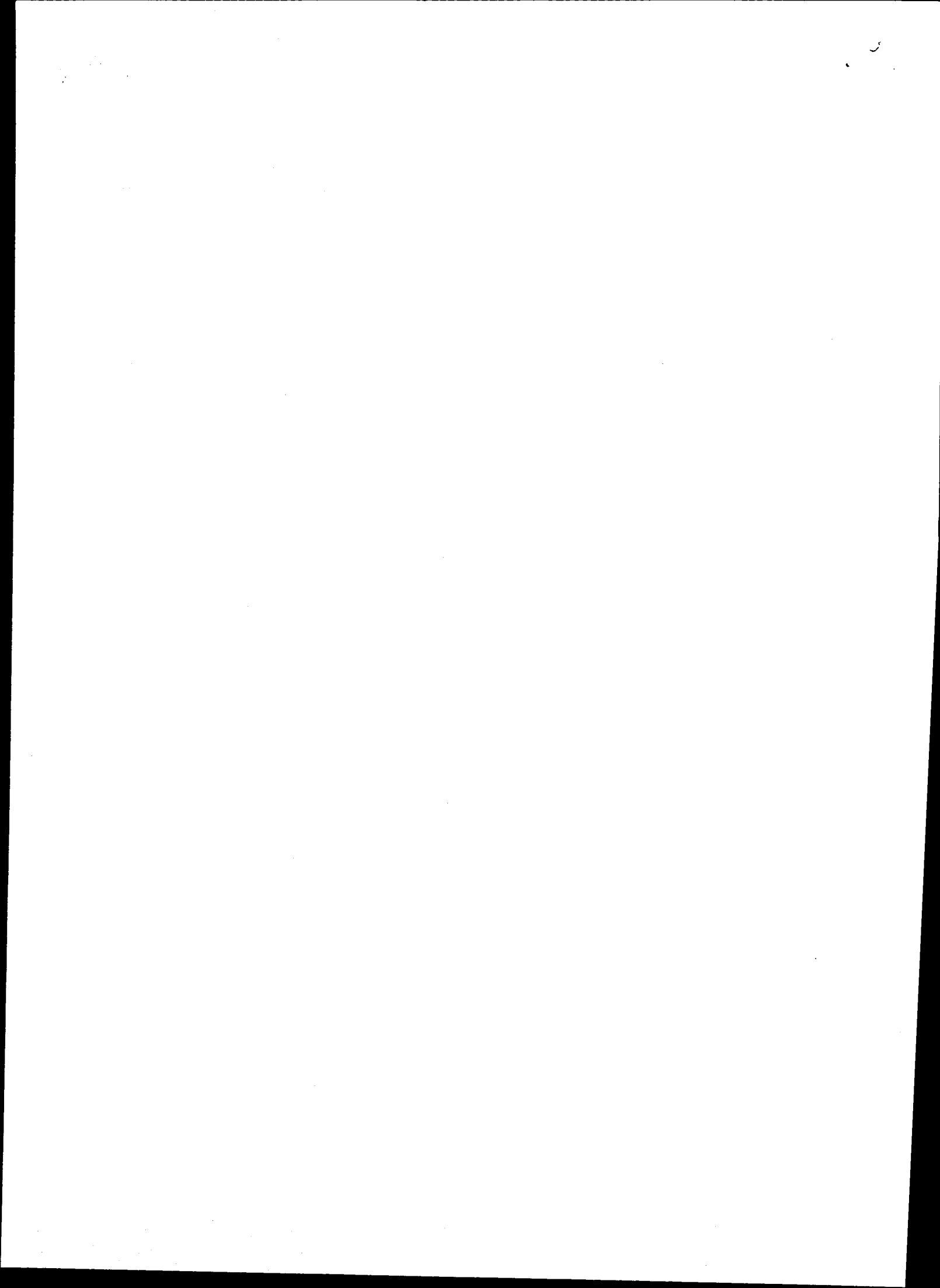
**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Sở Giao thông - Vận tải;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể huyện;
- VP.Huyện ủy, HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

*Phùng Minh Tân*  
**Phùng Minh Tân**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN THÀNH TOÀN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022, NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT SANG THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN NĂM 2024**  
CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN AN PHÚ  
(Dinh kèm Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của Hội đồng nhân dân huyện An Phú)

STT	Điểm	Xã/Thị trấn	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quốc định đầu tư			Kế hoạch vốn trung			Kế hoạch vốn			Giá trị giải ngân			Giá trị còn lại chưa giải ngân			Số vốn	Đơn vị	Chiều dài
					Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Vốn đầu tư địa phương	Kế hoạch vốn trung ương	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số			
1		TỔNG SỐ			28.222	28.222	-	29.208	13.620	6.063	7.557	10.312	4.444	5.867	3.309	1.619	1.690	3.309				
1		Các xã triển khai đầu tư theo NTVN theo kế hoạch của tỉnh giai đoạn 2021-2025			28.222	28.222	-	29.208	13.620	6.063	7.557	10.312	4.444	5.867	3.309	1.619	1.690	3.309				
1		XÃ PHƯỚC HƯNG			3.416	3.416	-	3.416	1.215	1.215	-	732	732	-	-	483	-	-	483			
1		XÃ PHƯỚC HƯNG			1.708	1.708	-	1.708	946	946	-	656	656	-	-	290	-	-	290			
1		XÃ PHƯỚC HƯNG			1.708	1.708	-	1.708	269	269	-	76	76	-	-	193	-	-	193			
2		XÃ QUỐC THÁI			1.208	1.208	-	1.208	163	163	-	36	36	-	-	137	-	-	137			
2		XÃ QUỐC THÁI			500	500	-	500	105	105	-	40	40	-	-	66	-	-	66			
2		XÃ QUỐC THÁI			2.374	2.374	-	2.374	1.333	1.333	-	907	907	-	-	236	-	-	236			
2		XÃ KHÁNH AN			590	590	-	590	125	125	-	53	53	-	-	72	-	-	72			
2		XÃ KHÁNH AN			912	912	-	912	97	97	-	34	34	-	-	63	-	-	63			
2		XÃ ĐA PHƯỚC			600	600	-	600	55	55	-	21	21	-	-	33	-	-	33			
3		XÃ KHÁNH BÌNH			312	312	-	312	42	42	-	13	13	-	-	30	-	-	30			
3		XÃ KHÁNH BÌNH			912	912	-	912	911	911	-	820	820	-	-	91	-	-	91			
3		XÃ KHÁNH BÌNH			300	300	-	300	300	300	-	288	288	-	-	12	-	-	12			
III		Các xã triển khai NTVN sau năm 2025			22.432	22.432	-	23.418	11.272	3.715	7.557	8.672	2.805	5.867	2.600	910	1.690	2.600				
1		XÃ NHƠN HÒI			1.708	1.708	-	1.708	1.056	1.056	-	850	850	-	-	206	-	-	206			
1		XÃ NHƠN HÒI			660	660	-	660	533	533	-	428	428	-	-	105	-	-	105			
1		XÃ NHƠN HÒI			338	338	-	338	338	338	-	264	264	-	-	74	-	-	74			
1		XÃ NHƠN HÒI			185	185	-	185	185	185	-	138	138	-	-	27	-	-	27			

STT	Dự án	Mã dự án	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn			Giới trợ giải ngân			Giới trợ chi trả chi phí giải ngân			Số hoạch vốn năm 2022, năm 2023 theo kế hoạch giải ngân đến ngày 31/12/2024	Chức danh	Chi chi trả			
					Tăng mức đầu tư	Nghĩa vụ trung ương	Vốn dân đóng góp	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2022 theo thời gian thực hiện giải ngân đến ngày 31/12/2023 của UBND huyện đến 02/02/2023 của UBND huyện	Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2022 theo thời gian thực hiện giải ngân đến ngày 31/12/2023 của UBND huyện đến 02/02/2023 của UBND huyện				Tổng số	Trong đó:	
										2022-2023	2023-2024			2022-2023	2023-2024						2022-2023	2023-2024
2	XÃ PHƯỚC HỮU				1.250	1.250	-	1.250	312	312	-	112	112	200	200	-	200					
	Lập đơn hệ thống truyền thanh và truyền Vinh Lạc vùng đến ĐBP Phố Hữu đến xã Cổ Lâu	8006097	16,5km	2022-2023	1.250	1.250		1.250	312	312		112	112	200	200		200	UBND xã Phố Hữu				
3	XÃ PHƯỚC HỘI				800	800	-	785	625	585	40	585	558	31	31	37	67					
	Lập đơn hệ thống truyền thanh ở Phố Trưng	8006097	2,8km	2022-2023	800	800		785	625	585	40	585	558	31	31	37	67	UBND xã Phố Hữu				
	Cải tạo, sửa chữa hệ thống truyền thanh xã Phố Lợi	8043486	13km	2023-2024	600	600		585	585	585		585	548	37	37		37	UBND xã Phố Hữu				
4	XÃ VINH LỘC				8.803	8.803	-	8.899	1.825	1.466	359	1.466	1.571	202	202	157	254					
	Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh xã Vinh Lạc	8006097	15 km	2022-2023	600	600		600	135	135		123	123	43	43		43	UBND xã Vinh Lạc	Bổ sung			
	Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh xã Vinh Lạc	7998578	600 m	2022-2023	1.000	1.000		1.000	166	166		123	123	43	43		43	UBND xã Vinh Lạc	Bổ sung			
	Xây dựng hệ thống thiết bị truyền thanh xã Vinh Thành	7995086	200m	2022-2023	430	430		430	58	58		22	22	37	37		37	UBND xã Vinh Lạc				
	Nâng cấp hệ thống thiết bị truyền thanh xã Vinh Thành	8040727	4,9 km	2022-2024	6.774	6.774		6.809	1.466	1.466	307	1.466	1.369	97	97	97	97	Huyện Q.ĐA.ĐTXĐ KV.Đông				
5	XÃ VINH HẦU				4.592	4.592	-	4.441	3.718	3.441	307	3.441	2.588	307	307	1.160	1.160					
	Xây dựng đường dây nội đồng an ninh (V) Đóm ấp Vinh Ngột	7991916	1,4 km	2022-2023	2.299	2.299		2.224	1.531	1.531	307	1.531	1.482	49	49	49	49	Huyện Q.ĐA.ĐTXĐ KV.Đông				
	Xây dựng đường dây nội đồng an ninh (V) Đóm ấp Vinh Ngột	8030678	1,4 km	2022-2025	2.293	2.293		2.217	2.217	2.217		2.217	1.106	1.111	1.111	1.111	1.111	Huyện Q.ĐA.ĐTXĐ KV.Đông				
6	XÃ VINH TRƯỞNG				3.440	3.440	-	4.627	2.506	2.065	441	2.065	1.965	296	296	541	541					
	Nâng cấp hệ thống truyền thanh xã Vinh Trường	7995092	0,6 km	2022-2023	1.186	1.186		1.186	141	141	141	141	36	36	105	105	105	Huyện xã Vinh Trường	Lengkap			
	Cải tạo cảnh quan nông thôn (tổ chức chiểu sáng MI.MI đường (C.N.T) xã Vinh Trường)	8060982	0,9km (đường)	2022-2023	300	300		300	300	300		260	260	40	40	40	40	Huyện xã Vinh Trường				
	Nâng cấp nội dung hệ thống (tổ chức MI.MI) xã Vinh Trường		2,8km	2022-2024	1.951	1.951		3.141	2.065	2.065		2.065	1.669	396	396	396	396	Huyện Q.ĐA.ĐTXĐ KV.Đông				
7	XÃ VINH HỘI ĐỒNG				1.838	1.838	-	1.708	1.201	1.201	1.201	1.201	1.029	1.029	172	172	172					
	Đường truyền tín hiệu (đường truyền từ KTXC ấp Vinh Hội đến trường THPT Vinh Hội đồng thêm chi phí)	7991929	0,8 km	2022-2023	1.838	1.838		1.708	1.201	1.201	1.201	1.201	1.029	1.029	172	172	172	Huyện Q.ĐA.ĐTXĐ KV.Đông	Bổ sung			